



Vua Lý Nhân Tông với đạo Phật

ISSN: 2734-9195

08:05 25/08/2025

Vua Lý Nhân Tông là vị vua rất coi trọng và quan tâm đến đạo Phật. Nhà vua cho lập nhiều chùa, tạo nên thắng cảnh cho đất nước. Chùa Một Cột, trước đó là chùa Diên Hựu đã được nâng cấp thành một cảnh trí phong quang.

Tác giả: **Đăng Việt Thủy**

Tạp chí Nghiên cứu Phật học - Số tháng 09/2025

Lý Nhân Tông là con vua Lý Thánh Tông và Nguyên phi Ỗ Lan, sinh ngày 25 tháng Giêng năm Bính Ngọ (1066), được đặt tên là Càn Đức. Ngay hôm sau, Càn Đức được phong làm Hoàng Thái tử.

Năm 1072, vua Lý Thánh Tông đột ngột băng hà, Càn Đức mới 7 tuổi lên nối ngôi. Mặc dù còn ít tuổi, mọi việc quân quốc đều phải có sự giúp đỡ của mẹ là Thái phi Ỗ Lan, lúc này được phong là Linh Nhân Hoàng Thái hậu, nhưng Lý Nhân Tông đã sớm tỏ ra là một người con thông minh, nhanh chóng quán xuyến được công việc triều đình. Không những thế, ông còn được nhiều người hiền tài phò tá như Lý Đạo Thành theo dõi việc văn, Lý Thường Kiệt đảm trách việc võ. Vì thế, nước Đại Việt trở nên hùng mạnh, đặc biệt là việc khoa cử. Năm Ất Mão (1075), vua mở khoa thi Tam trường (còn gọi là Minh kinh Bác học) để chọn người có tài văn học làm quan. Đây là khoa thi đầu tiên ở nước ta, chọn được 10 người, người đỗ thủ khoa đầu tiên là Lê Văn Thịnh.



Tượng vua Lý Nhân Tông tại Văn Miếu Quốc Tử Giám. (Ảnh: Suu tầm)

Năm Bính Thìn (1076), vua cho lập Quốc Tử Giám, trường Đại học đầu tiên của nước ta. Đến năm Bính Dần (1086), mở khoa thi chọn người có tài văn học vào Hàn lâm Viện. Tiếp đó, tuy mới 10 tuổi, vua đã trực tiếp chỉ đạo cuộc kháng chiến chống quân Tống. Thấy nước ta không có vua lớn tuổi, nhà Tống theo kế hoạch của Vương An Thạch, sai bọn Quách Quỳ, Triệu Tiết đem quân sang hòng biến nước ta thành quận, huyện của nhà Tống. Chúng lại lôi kéo được những nước Chiêm Thành, Chân Lạp làm vây cánh để gây thanh thế.

Vua Lý Nhân Tông đã giao việc chống giặc cho Lý Thường Kiệt. Chỉ một thời gian ngắn, dưới sự chỉ huy của Lý Thường Kiệt, quân nhà vua đã đánh tan quân giặc ở sông Như Nguyệt, rồi tiến quân sang cả bên kia biên giới, đánh vào châu Khâm, châu Ung, châu Liêm. Bọn tướng giặc các châu này như Trương Thủ Tiết, Tô Giám đều bị chết trận. Tham gia vào cuộc kháng chiến này, lúc bấy giờ có nhiều anh hùng thuộc các dân tộc ít người vùng biên giới và họ đã lập được nhiều chiến công. Trong số đó, có một người là Nùng Tông Đán (sử thường chép là Tôn Đản) chỉ huy một số tướng du kích khác như Thân Thiệu Thái, Thân Cảnh Phúc... đã làm cho quân Tống khiếp sợ.

Cũng vào thời kỳ Lý Nhân Tông lãnh đạo cuộc kháng chiến này, đã xuất hiện bài thơ có thể xem như bản Tuyên ngôn độc lập đầu tiên của nước Việt Nam. Đó là bài **Nam quốc sơn hà**:

Nam quốc sơn hà Nam đế cư

Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.

Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm?

Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư!

Dịch thơ:

Sông núi nước Nam, vua Nam ở,

Rành ràng định phận tại sách trời.

Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm?

Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời.

(Hoàng Xuân Hãn dịch)

Cuộc kháng chiến thành công, chiến tranh chấm dứt, nhưng nước ta luôn phải đối đầu với nhà Tống trên phương diện ngoại giao. Lý Nhân Tông lại phải đưa nhân tài lên biên giới để mở các cuộc đàm phán, đòi lại những vùng chúng đã xâm chiếm, cuối cùng nhà Tống buộc phải đem châu Quảng Nguyên trả lại cho nước ta.

Người có công trong các cuộc đàm phán này là Thái sư Lê Văn Thịnh (ông đã được vua phong cho đến chức Thái sư. Nhưng vào năm 1096, xảy ra vụ án ở Hồ Dâm Đàm, Lê Văn Thịnh bị kết tội là có âm mưu giết vua, bị đày lên Thao Giang, Tam Nông, Phú Thọ).

Về việc trị nước, tài năng nổi bật của Lý Nhân Tông được sử cũ khen ngợi là vị vua sáng suốt tài giỏi. Lý Nhân Tông theo dõi tình hình trị an của đất nước, chú trọng đến tầng lớp thanh niên, định thành thứ bậc rõ ràng, gọi là những hoàng nam (những chàng trai của triều đình). Ông chú ý tìm người tài giỏi đưa vào Viện Hàn lâm. Năm 1086, lại có thêm một Trạng nguyên nữa, đó là Mạc Hiến Tích. Nhà vua thường vi hành đi nhiều nơi, phần lớn là đến ngày hội ở các địa phương để gây hào hứng cho dân chúng vui hưởng những ngày thái bình thịnh vượng.

Vua Lý Nhân Tông là vị vua rất coi trọng và quan tâm đến đạo Phật. Nhà vua cho lập nhiều chùa, tạo nên thắng cảnh cho đất nước. Chùa Một Cột, trước đó là chùa Diên Hựu đã được nâng cấp thành một cảnh trí phong quang. Vua cho dựng ở đây hai ngọn tháp chỏm trắng, cho đào hồ Liên Hoa Đài, gọi là hồ Linh Chiếu. Ngoài hồ có hành lang chạm vẽ xung quanh, ngoài hành lang lại đào hồ gọi là Bích Trì, đều bắc cầu vòng để đi qua. Trước sân chùa xây bảo tháp. Vua cho đúc chuông lớn ở đây, nhưng chuông đúc quá to, đúc xong lại đánh không kêu, đem để ở ruộng, nhiều rùa kéo nhau vào để trứng, do đó mà có tên là Chuông ruộng rùa (Chuông Quy Điền).

Vua Lý Nhân Tông còn cho *"Định các chùa trong nước làm ba hạng, trung và tiểu danh lam, cho quan văn chức cao làm đề cử, là vì bấy giờ chùa có nhiều điền nô và khố vật"*(1) (quản lý ruộng đất và tài sản của chùa).

Năm Giáp Tuất (1094), *"Mùa hạ, tháng 4, tháp chùa Lãm Sơn xây xong"*(2).

Cùng với tinh thần sùng mộ đạo Phật, mẹ của vua là Ý Lan (Thái hậu Linh Nhân) cũng cho xây dựng rất nhiều chùa tháp trong nước, *"Bấy giờ trong nước phong đăng, thái hậu làm nhiều chùa Phật"*(3). *"Thái hậu dựng chùa thờ Phật, trước sau hơn trăm sở"*(4).

Năm Tân Sửu (1121) vua cho *"mở hội khánh thành chùa Báo Thiên và điện Trùng Minh"*, *"mùa thu, tháng 7, dựng chùa Quảng Giáo"*(5).

Lý Nhân Tông thường quan tâm tổ chức những ngày hội, vừa để ca ngợi công đức Phật, vừa để tạo không khí vui chơi vào dịp đất nước an bình, thịnh trị. Và điều này cũng phù hợp với tính cách của ông suốt từ tuổi niên thiếu cho đến lúc về già. Dưới triều đại của vua, các hội đua thuyền liên tiếp được tổ chức: hội Nhân vương được tổ chức đến hai lần vào các năm 1077 và 1126; hội Thiên Phật có mời cả sứ Chiêm Thành tới dự. Đặc biệt có hội đèn Quảng Chiếu mở đến hai lần (1120 và 1126); đây chính là những ngày hội hoa đăng. Trong những dịp lễ hội, Lý Nhân Tông tỏ ra là một người am hiểu và hâm mộ nghệ thuật. Ông thông hiểu âm luật, chú ý đến ca nhạc. Nhà vua thường trực tiếp góp ý với các đoàn nhạc công.

Vào các dịp khánh thành chùa chiền hay bảo tháp, nhiều khi ở xa kinh đô, song nhà vua vẫn đích thân tới dự. Vua về tận núi Chương Sơn ở Ý Yên, tỉnh Nam Định (cũ), nay thuộc tỉnh Ninh Bình khánh thành Bảo tháp Vạn Phong Thành Thiên. Tiếp đó, vua về Đọi Sơn ở huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam (cũ) khánh thành Bảo tháp Sùng Thiện Diên Linh. Bia Bảo tháp Sùng Thiện Diên Linh được dựng vào năm 1121. Đây là bia của triều đình do vua Lý Nhân Tông chỉ đạo tạo tác, khác hẳn các bia thời Lý khác do quan lại, nhà sư hay dân địa phương chủ trì

xây dựng.

Toàn bộ bia là một tác phẩm nghệ thuật điêu khắc hoàn hảo, phản ánh mỹ thuật và kỹ thuật thời Lý đạt đến đỉnh cao rực rỡ. Bài minh trên bia phản ánh văn chương thời Lý với lối văn biến ngẫu cầu kỳ, phức tạp, mang đặc trưng của văn chương thời Lý. Nội dung bài minh văn phản ánh các đức tính cao cả, tốt đẹp của vua Lý Nhân Tông, phản ánh tinh thần sùng Phật của Đại Việt thời Lý. Sử chép: Năm Nhâm Dần (1122) "*Tháng 3, ngày Mậu Dần, mở hội khánh thành Bảo tháp Sùng Thiện Diên Linh ở núi Đọi*"(6).

Năm Quý Mão (1123), "*Ngày Đinh Mùi, mở hội khánh thành chùa Phụng Từ*". "*Tháng 3, ngày Đinh Tỵ mở hội khánh thành chùa Quảng Hiếu núi Tiên Du*"(7).

Cùng với những hình thức lễ hội rầm rộ, cả nước bấy giờ đã dấy lên một khuynh hướng đi tìm các vật quý hiếm để dâng lên nhà vua. Không rõ thực hư các địa phương như thế nào, song sử sách chép khá rõ là lúc này nhà vua được dân chúng và quan lại dâng tiến rất nhiều vật lạ. Có cả hươu đen, hươu trắng, cây cau một gốc chín thân, voi trắng, chim sẻ trắng, cá chiên vàng, rùa có mắt đến sáu con người và ngựa hồng có cựa. Chẳng ai hiểu vì sao lúc bấy giờ nước ta lại có rất nhiều đặc sản như vậy. Các sử gia sau này cho rằng vì vua Lý Nhân Tông ham thích vật lạ, nên quan và dân chiều theo ý vua, đã đi tìm các vật quý hiếm để dâng tiến.

Thời gian vua Lý Nhân Tông trị vì ở kinh thành Thăng Long là thời kỳ đất nước thanh bình, thịnh trị và có nhiều chuyện lạ như một số chuyện kể trên.

Kinh thành Thăng Long với biểu tượng "Rồng bay lên - Thăng Long" được đưa ra lần đầu tiên, năm 1010, khi vua Lý Thái Tổ vừa mới đến Đại La. Tên gọi Thăng Long được hình thành từ biểu tượng rồng.

Tập hợp từ sách Đại Việt sử ký toàn thư, thấy trong các triều đại vua Lý, rồng vàng hiện lên 15 lần. Lần đầu tiên là tháng 7 năm Canh Tuất (1010), khi vua Lý Thái Tổ vừa tạm dừng thuyền ở dưới thành Đại La; lần cuối cùng là tháng 5 năm Bính Ngọ (1126), rồng vàng hiện lên ở điện Vĩnh Quang và dịp hội Nhân Vương tại Long Trì, đời Lý Nhân Tông.

Điều đặc biệt là rồng chỉ hiện lên trong thời gian các vua đầu triều Lý (ở các triều sau không thấy ghi rồng xuất hiện), với số lần như sau: Lý Thái Tổ: 1 lần, Lý Thái Tông: 5 lần, Lý Thánh Tông: 0 lần, Lý Nhân Tông: 9 lần.

Rồng xuất hiện luôn luôn cùng với sự hiện diện của nhà vua và gần gũi với vua. Riêng rồng xuất hiện dưới đời vua Lý Nhân Tông có số lần nhiều nhất như đã trình bày là 9 lần, trong đó có những lần đáng chú ý như:

Năm 1117 (tháng 3), vua ngự đến núi Chương Sơn để khánh thành Bảo tháp Vạn Phong Thành Thiện, có rồng vàng xuất hiện; năm 1117 (tháng 6) khi vua ngự đến hành cung Ứng Phong xem cày ruộng, rồng vàng hiện lên ở bảo đài, cầu đảo ở Động Linh, biểu tượng của mưa, cầu mưa, báo mưa; năm 1120 (tháng 9, mùa thu) rồng vàng xuất hiện, sau đó nước Chiêm Thành sang cống và được mùa to, biểu tượng của sự thắng lợi ngoại giao và được mùa; năm 1126 (tháng 5), rồng vàng hiện ở điện Vĩnh Quang vào dịp mở hội Nhân Vương tại Long Trì, biểu hiện của sự vui mừng.

Đúng là đất nước có thanh bình, hưng thịnh mới xuất hiện những hiện tượng kỳ thú như vậy.

Vua Lý Nhân Tông lập ba vị hoàng hậu và một vị thần phi phu nhân cùng rất nhiều cung nhân. Tuy nhiên một điều không vui là ông không có con trai để nối nghiệp. Ông nuôi con trai của các anh em trong dòng họ khá nhiều, cuối cùng lập Lý Dương Hoán (con trai của Sùng Hiền hầu) làm Thái tử. Lời di chiếu của ông được các thế hệ sau công nhận là chân chính, sáng suốt, chứng tỏ ông là một vị vua trung hậu.

Vua Lý Nhân Tông làm vua đến tháng 12 năm Đinh Mùi (1127) thì mất, thọ 63 tuổi, trị vì được 56 năm. Ông là vị vua ở ngôi lâu nhất trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam.

Tác giả: **Đặng Việt Thủy**

Tạp chí Nghiên cứu Phật học - Số tháng 09/2025

CHÚ THÍCH:

- (1) *Đại Việt sử ký toàn thư, Tập I, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội - 1972, tr. 241.*
- (2) *Đại Việt sử ký toàn thư, sách đã dẫn, tr. 242.*
- (3) *Đại Việt sử ký toàn thư, sách đã dẫn, tr. 243.*
- (4) *Đại Việt sử ký toàn thư, sách đã dẫn, tr. 246.*
- (5), (6) *Đại Việt sử ký toàn thư, sách đã dẫn, tr. 251.*
- (7) *Đại Việt sử ký toàn thư, sách đã dẫn, tr. 252.*